TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11-5-2026
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé

Ông Đinh Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Tường Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1987. (có mặt)

Địa chỉ: Số C ấp E, xã V, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã V, tỉnh Tây Ninh).

- *Bị đơn:* Ông Trần Quốc T, sinh năm 1986. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số C ấp E, xã V, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã V, tỉnh Tây Ninh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 01 năm 2026, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Quốc T chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống thời gian

đầu thì hạnh phúc về sau phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Trong suốt thời gian chung sống ông T có đánh bà H 3 – 4 lần, mỗi lần đánh là đuổi bà H ra khỏi nhà. Thời gian gần đây thì mâu thuẫn trầm trọng hơn nên hai vợ chồng ly thân, từ tháng 01/2026 đến nay bà H dọn ra ngoài sống.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Yến V, sinh ngày 13/6/2010 và Trần Quốc B, sinh ngày 09/8/2018. Hiện nay, 02 con chung đang sống với bà H. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Quốc T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Ông T xác định thời gian chung sống, điều kiện kết hôn, tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung như bà H trình bày là đúng. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông T không đồng ý vì ông còn thương vợ thương con.

Ông T thừa nhận trong suốt thời gian chung sống ông có đánh bà H 3 – 4 lần vì nghi ngờ bà H có mối quan hệ với người đàn ông khác. Những lần như vậy thì bà H về nhà mẹ đẻ sống, sau đó ông có đến nhà xin lỗi để bà H trở về nhà. Thời gian gần đây thì mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng cự cãi do ông nghi ngờ bà H lại có quan hệ với người đàn ông khác. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2026 đến nay. Tuy nhiên, ông còn thương vợ thương con muốn gia đình hàn gắn nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Yến V, sinh ngày 13/6/2010 và Trần Quốc B, sinh ngày 09/8/2018. Hiện nay, 02 con chung đang sống chung với bà H. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì ông đồng ý giao 02 con chung cho bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, ông không có đủ kinh tế nên đề nghị không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Đây là loại kiện "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn" thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hôn nhân và Gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Việc Tòa án tiến hành thụ lý là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; thủ tục thụ lý vụ án và thông báo về việc thụ lý vụ án đúng quy định tại các Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định tại Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng đúng theo Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự; về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

trong việc thu thập chứng cứ, xác minh và công khai chứng cứ cũng như hòa giải.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền, nghĩa vụ và chấp hành nội quy phiên tòa do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Theo lời trình bày của bà H thì quá trình chung sống bà H và ông T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày. Bà H và ông T đã ly thân từ tháng 01/2026 đến nay. Xét thấy, cả hai đều không còn tình cảm với nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông T. Ông T không đồng ý ly hôn nhưng lại không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng và ông T cũng không tham gia phiên tòa, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà H và ông T là có thật, ông T đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân với bà H và không có ý muốn hàn gắn cuộc hôn nhân này nên yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ để chấp nhận.

Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Trần Yến V sinh ngày 13/6/2010 và Trần Quốc B sinh ngày 09/8/2018, hiện 02 con đang sống chung với bà H. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi 02 cháu V và B và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến gì. Xét thấy, 02 cháu V và B hiện đang sống cùng bà H nên để ổn định tâm tư, tình cảm của các cháu thì cần tiếp tục để bà H nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu. Mặc khác, cháu V sinh này 13/6/2010 và cháu B sinh ngày 09/8/2018, tính đến thời điểm xét xử 02 cháu đã hơn 07 tuổi nên cần xem xét nguyện vọng của 02 cháu theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Tại Bản tự khai ngày 14/01/2026, cả 02 cháu V và B đều có nguyện vọng được sống với mẹ. Nguyện vọng của 02 cháu phù hợp với yêu cầu của bà H nên có căn cứ để chấp nhận, giao 02 cháu V và B cho bà H nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với ông Trần Quốc T. Do đó, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn". Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Tây Ninh theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện nên được xác định là nguyên đơn; ông Trần Quốc T là người bị kiện nên được xác định là bị đơn.

[3] Về việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H có mặt tại phiên tòa. Bị đơn ông Trần Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt mà không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H, thấy rằng:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Quốc T xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 108 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An cấp ngày 13/10/2009 nên hôn nhân giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà H trình bày cho rằng sau khi cưới vợ chồng chung sống thời gian đầu thì hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Trong suốt thời gian chung sống ông T có đánh bà H 3 – 4 lần, mỗi lần đánh là đuổi bà H ra khỏi nhà. Vợ chồng bà đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông T.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông T thừa nhận trong suốt quá trình chung sống vợ chồng nhiều lần cãi vả, ông T có đánh đuổi bà H ra khỏi nhà 3 – 4 lần, nguyên nhân chủ yếu do ông T nghi ngờ bà H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Ông T không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được giải pháp để vợ chồng hàn gắn tình cảm, bản thân ông T thừa nhận đã thiếu kiềm chế cảm xúc nên có hành vi bạo lực gia đình.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Toà án cũng đã cho bà H và ông T thời gian đoàn tụ nhưng bà H và ông T vẫn không giải quyết được mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng. Tại phiên tòa, bà H kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông T. Nhận thấy, việc đoàn tụ giữa các đương sự không có kết quả, hôn nhân đã không còn hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, một trong hai bên đã không còn mong muốn vun đắp cuộc sống chung của vợ chồng. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa bà H và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[4.2] Về nuôi con chung: Bà H và ông T xác định ông bà có 02 con chung tên Trần Yến V, sinh ngày 13/6/2010 và Trần Quốc B, sinh ngày 09/8/2018. Hiện tại, bà H đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H và ông T thống nhất trường hợp vợ chồng ly hôn thì bà H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, ông T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Hơn nữa, tại bản tự khai ngày 14/01/2026, cháu V và cháu B trình bày nguyện vọng được sống chung với bà H sau khi cha mẹ ly hôn.

Xét sự tự nguyện của bà H và ông T, nguyện vọng của cháu V và cháu B là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử giao cháu V và cháu B cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

[4.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông T xác định không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên thấy rằng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận. Chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

Căn cứ Điều 6, Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn" đối với ông Trần Quốc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Trần Quốc T.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu H được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung có tên là Trần Yến V, sinh ngày 13/6/2010 và Trần Quốc B, sinh ngày 09/8/2018. Ông Trần Quốc T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, khi có căn cứ thì cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con; khi có căn cứ thì cha, mẹ có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Quốc T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001324 ngày 19/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Bà Nguyễn Thị Thu H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xét xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 5 - Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 5 - Tây Ninh;
- UBND xã Phước Lý, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TAND KHU VỰC 5

0ZQ110526.TL.QDBA
586

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy An

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Đặng Văn Bé – Đinh Ngọc Minh

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy An